

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 2533/STC-HCSN ngày 25 tháng 10 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 2. Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 01 năm 2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở, ban, ngành; chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VB-Bộ Tư pháp;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Hoàng



PHỤ LỤC
MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI
(Kèm theo Quyết định số 02 /2017/QĐ-UBND ngày 07 /01/2017
của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đ)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:			
1.1	Lập nhiệm vụ	Nhiệm vụ	1.200	
1.2	Lập dự án	Dự án	3.000	
1.3	Lập dự án có tính chất như dự án đầu tư		Mức chi áp dụng theo quy định tại Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	400	Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	250	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	450	Trường hợp không thành lập Hội đồng
4	Điều tra, khảo sát			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đ)	Ghi chú
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	500	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			
	- Cá nhân			
	+ Từ 30 chỉ tiêu trở xuống	Phiếu	35	
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	45	
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	50	
	- Tổ chức			
	+ Từ 30 chỉ tiêu trở xuống	Phiếu	72	
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	90	
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 1 người/ngày tối đa không quá 200% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày)	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	70	Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	135	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ



	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đ)	Ghi chú
			5.000	
			10.000	
	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
6	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	400	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	200	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	150	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	400	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	250	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	400	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)	người/buổi hội thảo		
	Người chủ trì		350	
	Thư ký hội thảo		200	
	Đại biểu được mời tham dự		150	
	Báo cáo tham luận	Bài viết	350	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đ)	Ghi chú
8.1	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
	Chủ tịch hội đồng	người/buổi	300	
	Thành viên, thư ký		150	
8.2	Nghiệm thu dự án:			
	Chủ tịch Hội đồng	người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký hội đồng		350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	bài viết	500	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	bài viết	350	
	Đại biểu được mời tham dự		150	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, cấp xã			
9.1	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động bằng 1 lần hệ số lương bậc 1 công chức loại A1 theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang nhân với mức lương cơ sở do Nhà nước quy định	
9.2	Hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	



Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đ)	Ghi chú
10	Chi giải thưởng môi trường		Mức chi theo quy định tại Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	

[Handwritten signature]